

Bản tin chứng khoán

Trong số này

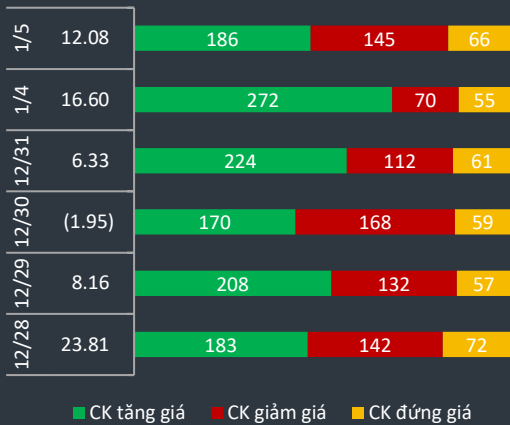
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VRE	167.8
VHM	78.8
MBB	72.6
NVL	66.7
VNM	54.3
HPG	52.8
GAS	43.9
VIC	28.3
HDG	27.4
GEX	24.8
DXG	18.3
MSR	(8.2)
FCN	(8.6)
SSI	(12.8)
BVH	(15.9)
PVD	(17.7)
KBC	(31.0)
CTG	(47.9)
BSI	(56.7)
VND	(60.4)

Thị trường vẫn duy trì động lực tăng rất tốt bất chấp phiên đảo chiều của chứng khoán Mỹ đêm hôm trước. Chỉ số Vnindex bắt đầu tăng vượt trên 10 điểm từ phiên chiều. Dù có vài thời điểm lệnh xả ra khá mạnh nhưng không đủ sức làm đảo chiều xu thế của thị trường. Nhóm ngân hàng trong ngày giao dịch rất hứng khởi đặc biệt MBB khớp lệnh hơn 34 triệu và tăng 5%. Khối ngoại cũng mua ròng MBB gần 3 triệu cổ phiếu. LPB tăng trần 13.5 dư mua cả triệu đơn vị. VIB cũng dư mua trần gần 300 đơn vị bên cạnh HDB, ACB cũng gia tăng thanh khoản và tăng giá gần 3% trong ngày.

Nhóm cổ phiếu bất động sản đang cho thấy sự trở dậy đặc biệt ở nhóm doanh nghiệp lớn như HDG, HDC, DIG. Trong ngày TDH cũng từ mức giá sàn đảo chiều chuyển sang tăng gần sát trần.

Khối ngoại trong ngày mua ròng hơn 500 tỷ đồng trong đó nhiều nhất là nhóm vingroup như VRE(167.8 tỷ), VHM(78.8 tỷ), MBB(72.6 tỷ), NVL(66.7 tỷ), VNM(54.3 tỷ). Trong khi phía bán ròng không đáng kể. Khối ngoại cũng mua ròng khá lớn nhóm cổ phiếu bất động sản như DXG, VIC, NVL, HDG.

Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (Mã chứng khoán: TNH) sẽ chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) ngày 06/01/2021. 41,5 triệu cổ phiếu TNH sẽ giao dịch với giá tham chiếu là 25.000 đồng/cổ phiếu. Như vậy, vốn hóa là 1.037,5 tỷ ngày chào sàn.

Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên hoạt động từ năm 2014, số lượng bệnh nhân tăng trưởng từ 150-200% mỗi năm. Hiện nay, Bệnh viện có quy mô trên 200 giường bệnh và đang có kế hoạch mở rộng quy mô khám chữa bệnh.

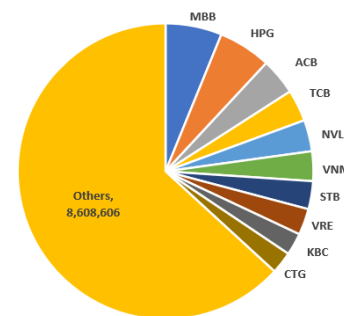
Năm 2019, TNH đạt doanh thu thuần hơn 275 tỷ đồng, tăng 2% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế gần 89 tỷ đồng, tăng 9% so với năm trước. Trong 9 tháng đầu năm 2020, TNH ghi nhận 235 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận sau thuế 80 tỷ đồng, lần lượt tăng 24% và 21%. Như vậy, sau 9 tháng đầu năm, TNH hoàn thành 62% kế hoạch doanh thu và 65% kế hoạch lợi nhuận.

Vnindex 1,132.55

▲ +12.08 (+1.08%)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VIB	35.3	2,300	6.97
VRE	33.3	1,650	5.21
MBB	25.2	1,200	5.01
FPT	62.7	2,500	4.15
VHM	95.6	3,600	3.91
HDB	24.8	650	2.70
ACB	29.4	700	2.44
VNM	110.8	2,500	2.31
VIC	109.7	1,700	1.57
GAS	90.0	1,200	1.35
MWG	121.9	1,300	1.08
STB	17.7	150	0.85
POW	14.2	100	0.71
MSN	89.3	400	0.45
VPB	34.4	150	0.44
PLX	55.1	200	0.36
VCB	99.3	300	0.30
GVR	29.5	50	0.17
TCB	33.1	50	0.15
HPG	42.4	50	0.12
DHG	104.6	-	-
SSI	33.8	(50)	(0.15)
NVL	65.0	(100)	(0.15)
TPB	27.8	(50)	(0.18)
REE	50.2	(100)	(0.20)
SAB	199.0	(400)	(0.20)
CTG	35.4	(100)	(0.28)
BVH	66.0	(300)	(0.45)
PNJ	81.3	(400)	(0.49)
BCM	42.7	(300)	(0.70)
BID	47.9	(350)	(0.73)
PDR	51.4	(400)	(0.77)
VJC	124.8	(1,000)	(0.79)

Trong ngày băng điện có thời điểm hơi chập chờn và có hiện tượng nghẽn lệnh nhưng sau đó ổn định trở lại khá nhanh. Tổng giá trị giao dịch riêng sàn HOSE đạt hơn 14,600 tỷ, khá lớn so với các phiên trước. Dòng tiền vẫn đổ vào thị trường chủ yếu là nhóm ngân hàng MBB, ACB, TCB, STB cùng một số blue chip khác như HPG, NVL, VNM, KBC.

Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và tận dụng các nhịp tăng mạnh có thể chốt lãi dần các cổ phiếu đạt mục tiêu và chờ cơ hội mua trở lại. Một số cổ phiếu ngoài danh mục bên dưới có thể nắm giữ giai đoạn này như SZC, HDG, MBB.

Cổ phiếu quan tâm:

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Lãi / Lỗ	Ngày đưa vào DM
PHR	64.3	(0.20)	50	70	Nắm giữ.	19.1%	10/30/2020
GIL	41.7	(0.70)	37	45	Mua quanh 38-39. Mục tiêu 45-47	7.2%	11/29/2020
PNJ	81.3	4.50	65	80	Mua quanh 70-72. Mục tiêu 80-85	11.4%	11/11/2020
FPT	62.7	8.30	46	60	Mua quanh 50-51. Mục tiêu 60	23.2%	10/28/2020
HPG	42.4	1.90	28	42	Mua quanh 33-34. Mục tiêu nâng lên 45	38.6%	10/28/2020
VCB	99.3	1.30	80	110	Nắm giữ	19.8%	10/28/2020
STB	17.7	5.70	11	19	Mua quanh 12.5-13. Mục tiêu 19	32.1%	10/30/2020
GAS	90.0	3.60	75	95	Mua quanh 85. Mục tiêu 95	5.1%	12/7/2020
D2D	63.8	2.40	50	70	Mua quanh 55. Mục tiêu 70	16.0%	12/7/2020
HSG	23.8	7.20	14	25	Nắm giữ. Mục tiêu nâng lên 25	60.8%	10/28/2020
GVR	29.5	(3.10)	11.5	30	Nắm giữ	115.3%	10/28/2020
HBC	16.7	0.60	12.5	18	Mua quanh 14. Mục tiêu 18	30.5%	11/29/2020
DXG	17.0	11.80	11	18	Mua quanh 12 Mục tiêu 18	31.8%	11/6/2020
CII	22.3	12.60	17	22	Mua quanh 18. Mục tiêu 22	19.3%	12/11/2020
MWG	121.9	3.90	90	130	Mua quanh 110-115. Mục tiêu 130	5.1%	12/25/2020
GEX	23.5	2.00	21	28	Mua quanh 22-23. Mục tiêu 27	1.3%	12/30/2020
NKG	16.0	5.30	14	22	Mua quanh 16. Mục tiêu 22	0.0%	1/5/2021

(bình) Với các vị thế chạm mục tiêu ngắn hạn, nhà đầu tư nếu kỳ vọng có thể tiếp tục nắm giữ hoặc hiện thực hóa lợi nhuận ½)

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

MCG	6.69
BCG	6.71
VIP	6.71
TDC	6.73
SZC	6.73
TDG	6.73
EVG	6.74
BSI	6.77
TCD	6.84
EVE	6.85
PXS	6.87
HDG	6.87
VOS	6.90
FCM	6.94
TNI	6.94
CCI	6.94
TEG	6.94
LSS	6.96
RDP	6.96
SGT	6.98
LBM	7.00

Top tăng giá HNX

LUT	8.96
LCS	9.09
NSH	9.09
MPT	9.09
C69	9.38
MBG	9.38
LHC	9.46
TTH	9.52
MAC	9.68
VC7	9.72
BVS	9.95
KSQ	10.00
KTT	10.00
SCL	14.74

QNS - Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi - Ước doanh thu hợp nhất 6.835 tỷ đồng, giảm 11% và thực hiện hơn 81% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất ước đạt 1.037,5 tỷ đồng, giảm gần 20% so với năm trước và vượt 14% kế hoạch năm.

Công ty xây dựng kế hoạch năm 2021 tiếp tục thận trọng. Chỉ tiêu doanh thu hợp nhất là 8.000 tỷ đồng, tăng 17% so với ước năm 2020 và lợi nhuận sau thuế giảm 12% về 913 tỷ đồng.

VDS - CTCP Chứng khoán Rồng Việt - Ngày 18/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 19/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 3%, thanh toán dự kiến bắt đầu từ ngày 28/1/2021.

THI - CTCP Thiết bị điện - Đã thông qua việc điều chỉnh diện tích đất cho dự án nhà máy sản xuất của Công ty tại Khu công nghiệp Long Đức và chuyển nhượng một phần thuộc dự án Khu công nghiệp Long Đức cho CTCP Dây đồng Việt Nam CFT.

TRA - CTCP Traphaco - Ngày 19/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 20/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/1/2021.

RDP - Rạng Đông Holding - Đã thông qua phương án phát hành thêm hơn 6,5 triệu cổ phiếu, tương đương 16% lượng cổ phiếu đang lưu hành để tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển. Vốn điều lệ công ty dự kiến tăng từ 410 tỷ đồng lên 476,4 tỷ đồng. Thời gian phân phối dự kiến trong quý I hoặc II.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp lên kế hoạch phát hành tối đa 20 triệu cổ phiếu riêng lẻ, chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược. Thời gian phát hành dự kiến trong năm 2021-2022.

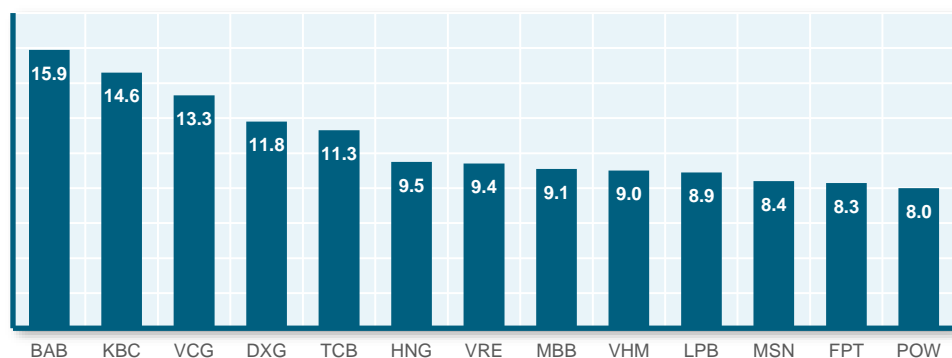
KBC - Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - Công bố quyết định HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 9,85 triệu cổ phiếu Công ty Đầu tư Sài Gòn Huế. HĐQT giao Ban Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng ban liên quan triển khai thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 100% số cổ phần sở hữu tại Đầu tư Sài Gòn Huế.

TTB - CTCP Tập đoàn Tiến Bộ - Đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 6,5 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Hồng Phát Invest với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần.

CRE - Đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 2,45 triệu cổ phần của CTCP TMĐT Ngôi nhà Thế Kỳ (Cenhomes), tương ứng 49%/vốn của Cenhomes, với giá mua dự kiến 10.000 đồng/cổ phần. Sau khi nhận chuyển nhượng, CRE sở hữu 5 triệu cổ phần Cenhomes, tương ứng tỷ lệ 100%/vốn.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Cổ phiếu đang chạm các vùng hỗ trợ:

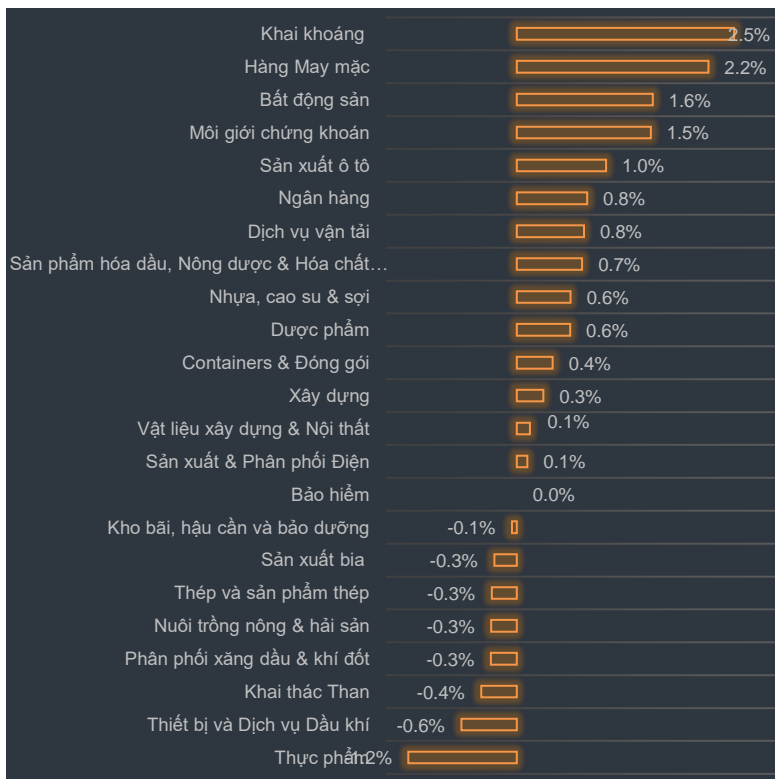
Ticker	Close	% 1D	Đáy	Tăng so với Đáy	So với đỉnh 1Y	Vol 3T	RSI	StochK
HVG	3.7	0.00	3.70	0.0%	132.40	291,714	25.7	-
C32	27.1	6.92	17.10	58.5%	0.00	213,815	72.9	-
CRC	10	(6.54)	10.00	0.0%	92.00	443,636	21.2	2.1
VHC	41.4	2.10	19.60	111.2%	11.70	1,012,204	41.1	6.7
SHB	17	0.00	6.00	183.3%	7.10	6,447,920	46.8	8.6
CVT	41.2	(0.84)	13.50	205.2%	33.90	538,499	51.2	14.3
VNM	108.8	0.00	67.80	60.5%	4.20	2,136,961	45.9	16.2
AGG	28.7	1.59	23.60	21.6%	8.70	1,138,616	43.9	20.6
TVC	11.3	(0.88)	6.20	82.3%	173.00	1,135,892	45.3	22.2
GIL	42	1.45	13.60	208.8%	10.60	402,017	53.2	23.5
DHM	9.5	(1.36)	3.40	179.4%	3.20	417,526	54.4	23.9
TVB	11.8	0.43	6.40	84.4%	57.20	632,094	55.0	24.4
BMP	62.6	(0.32)	29.80	110.1%	6.20	236,053	51.8	25.5
SRA	10.1	1.00	4.00	152.5%	17.80	430,242	51.9	25.5
LSS	7.9	0.00	3.80	107.9%	4.80	333,846	52.8	26.4
VOC	22.1	(0.45)	8.40	163.1%	12.70	429,134	53.7	29.1
HLD	25.4	0.40	13.90	82.7%	18.00	206,453	40.7	30.6
TNA	13.2	0.38	11.40	15.8%	28.10	291,656	45.5	33.6
PC1	22.3	0.91	8.40	165.5%	3.80	401,729	56.8	34.8
VTP	108.5	(0.09)	60.70	78.7%	5.10	102,062	48.7	35.8
DAH	4	0.25	3.80	5.3%	357.00	573,445	49.2	35.8
ILB	27	(0.37)	12.30	119.5%	10.00	173,711	56.6	39.1
HAX	18.8	1.35	8.60	118.6%	4.50	584,616	57.5	39.4
FMC	35.9	1.84	15.40	133.1%	5.60	421,585	54.9	39.5
LHG	34.3	1.48	10.40	229.8%	6.60	383,484	57.5	39.7



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	NBT	UPCoM	15/01/2021	18/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	A32	UPCoM	12/1/2021	13/01/2021	26/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	NSC	HOSE	11/1/2021	12/1/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 2/2019 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	TCM	HOSE	11/1/2021	12/1/2021	4/2/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	TCM	HOSE	11/1/2021	12/1/2021	4/2/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	AMV	HNX	11/1/2021	12/1/2021	20/05/2021	Trả cổ tức đợt 1/2019 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	AMV	HNX	11/1/2021	12/1/2021	24/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2019 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	AMV	HNX	11/1/2021	12/1/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:40	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	DHP	HNX	8/1/2021	11/1/2021	28/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	DHP	HNX	8/1/2021	11/1/2021	28/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	SMN	HNX	7/1/2021	8/1/2021	27/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SMN	HNX	7/1/2021	8/1/2021	27/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	SMA	HOSE	6/1/2021	7/1/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:7	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
14	SMA	HOSE	6/1/2021	7/1/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:7	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	HMH	HNX	6/1/2021	7/1/2021	20/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	BWE	HOSE	6/1/2021	7/1/2021	7/4/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	DNC	HNX	6/1/2021	5/1/2021	5/2/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	C47	HOSE	5/1/2021	6/1/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:3	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
19	C47	HOSE	5/1/2021	6/1/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:3	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	C47	HOSE	5/1/2021	6/1/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:7	Thưởng cổ phiếu
21	DBT	HOSE	5/1/2021	6/1/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Thưởng cổ phiếu
22	DBT	HOSE	5/1/2021	6/1/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Thưởng cổ phiếu
23	QHD	HNX	5/1/2021	6/1/2021	26/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	VNM	HOSE	5/1/2021	4/1/2021	26/02/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	DRL	HOSE	5/1/2021	6/1/2021	21/01/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	NHT	UPCoM	4/1/2021	5/1/2021	15/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	QPH	UPCoM	4/1/2021	5/1/2021	20/01/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	PRE	HNX	4/1/2021	5/1/2021	20/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

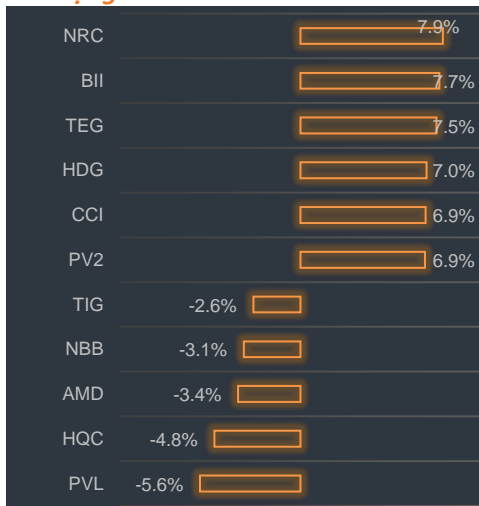
Tăng giảm ngành trong ngày



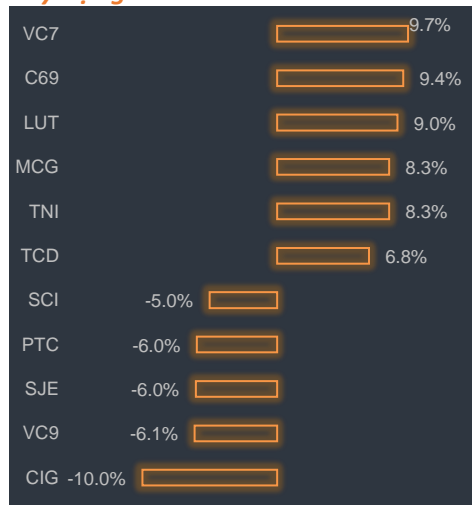
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	NRC, BII, TEG
Xây dựng:	VC7, C69, LUT
Dầu khí:	TDG, ASP, GAS
Chứng khoán:	VIX, BVS, VDS
Ngân hàng:	MBB, SHB, LPB

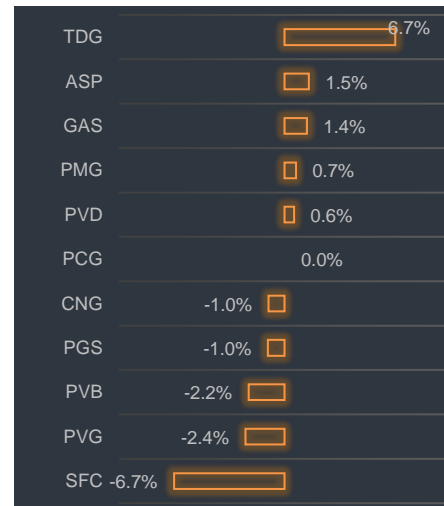
Bất động sản



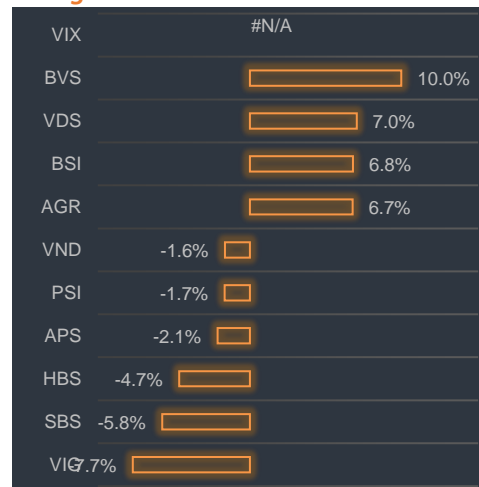
Xây dựng



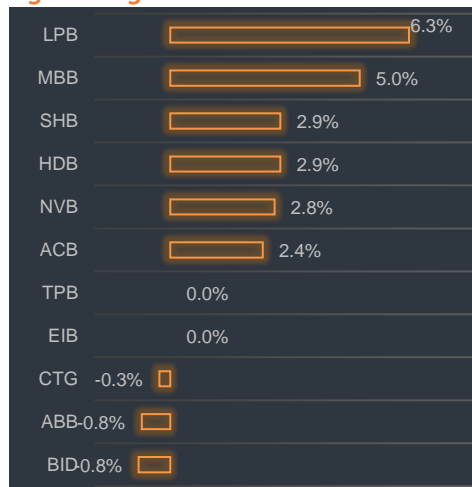
Dầu khí



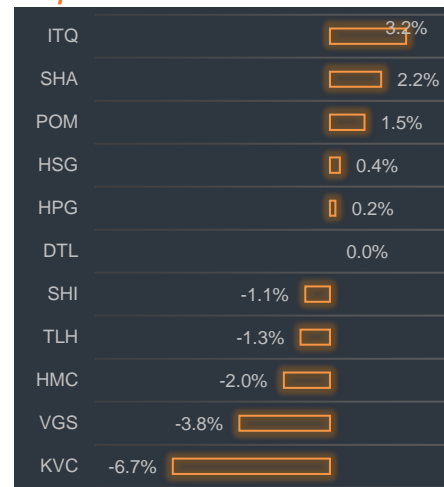
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931